

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG TRẠCH  
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2017/HS-ST  
Ngày: 27 - 11 - 2017

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Viết Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Nguyễn Xuân Đào.

2. Bà: Đậu Thị Phú.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Thái - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 27 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở. Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2017/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2017/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo: Nguyễn Xuân S, sinh ngày 08 tháng 02 năm 1976 tại phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Khu phố 3, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: thợ sửa khóa; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồng Th (chết) và bà Lê Thị Bích N; có vợ Phùng Thị L và 05 con: Lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 02/8/2017 đến ngày 08/8/2017 thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

**- Bị hại:** Anh Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1970; nơi cư trú: Xóm 6, thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 02/8/2017, anh Nguyễn Ngọc C đến ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Ròn rút số tiền 58.000.000 đồng. Sau khi rút xong tiền anh C để tiền vào túi bên trong ngực trái áo vest màu vàng đang mặc. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, do bị mất chìa khóa xe mô tô của mình đang gửi tại nhà nghỉ Biều Thắm ở thôn T, xã Q nên anh C đến chợ Cảnh Dương thuê Nguyễn Xuân S đến cắt sửa khóa xe. Trong khi chờ S cắt khóa xe, do trời nóng nên anh C cởi áo

vest với số tiền 58.000.000 đồng trong túi áo để trên đồng ồng nhựa gần nơi chỗ cất khóa xe. Đến khoảng 10 giờ 30 phút, S cất xong khóa xe, anh C lấy số tiền 300.000 đồng trong ví của túi quần ra trả cho S rồi lên xe nổ máy chạy về nhà và đã bỏ quên áo vest cùng số tiền ở trong túi áo. Trong lúc thu dọn đồ nghề để về, Nguyễn Xuân S phát hiện chiếc áo vest do anh C để quên liền đi tới cầm lên thì phát hiện trong túi áo có một cọc tiền, gồm nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng nên S lấy cọc tiền cất vào trong túi đựng đồ nghề sửa khóa của mình và bỏ chiếc áo lại chỗ cũ rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 73K1- 031.81 nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu đỏ đen của mình ra đường quốc lộ 1A chạy thẳng về nhà theo hướng Bắc-Nam. Sau khi chạy xe trên đường về nhà thì anh C phát hiện mình bỏ quên chiếc áo vest cùng số tiền bên trong nên quay xe lại nhà nghỉ Biều Thắm để lấy áo và tiền thì chỉ thấy áo vest, còn số tiền thì không còn. Anh C nghĩ chỉ có thợ sửa khóa xe lấy nên đã điện thoại xin gặp S nhưng S không đồng ý gặp. Biết anh C đã phát hiện ra mình lấy số tiền nên S điều khiển xe mô tô rẽ xuống đường làng thôn X, xã Q cất giấu số tiền vừa lấy được dưới hố cát gần gốc cây dương liễu để tránh sự phát hiện của anh C. Sau khi giấu xong tiền, S lên xe đi về nhà. Trên đường về, anh C nhiều lần điện thoại nhưng S không mở máy nên anh C đã nhờ nhân viên nhà nghỉ Biều Thắm trích xuất camera làm căn cứ. Sau khi biết rõ Nguyễn Xuân S lấy tiền, anh C đã điện thoại nhiều lần yêu cầu S trả lại tiền nhưng S không trả. Vì vậy, anh C đã đến cơ quan Công an huyện Q trình báo sự việc. Sau đó cơ quan Công an triệu tập S đến làm việc, S đã khai rõ sự việc và chỉ chỗ giấu tiền cho cơ quan Công an thu giữ.

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, BKS 73K1- 031.81 màu đỏ đen; 01 điện thoại hiệu Sam Sung J5 màu vàng gôn; 01 chiếc áo vest nhãn hiệu D&T, màu vàng và 58.000.000 đồng tiền Việt Nam, loại mệnh giá 500.000 đồng. Ngày 09/8/2017 và ngày 05/9/2017 cơ quan CSĐT ra quyết định xử lý vật chứng số 76 và 81/CSĐT trả lại các vật chứng đã thu giữ cho các chủ sở hữu hợp pháp.

Tại phiên toà bị cáo Nguyễn Xuân S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, điều, khoản và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương để có điều kiện làm ăn giúp đỡ gia đình vợ con.

Bị hại anh C khai nhận sự việc xảy ra đúng như bị cáo khai tại cơ quan điều tra. Do anh bỏ quên áo vest, trong túi áo có số tiền 58.000.000 đồng tại đồng ồng nhựa của nhà nghỉ Biều Thắm nên quay lại lấy nhưng không thấy tiền mà chỉ thấy áo và nghĩ S nhặt được nên đã nhiều lần điện thoại cho S để xin lại tiền nhưng S không đồng ý trả lại mà cố tình giữ lại. Vì vậy, anh đã báo cho cơ quan Công an giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Hiện nay anh đã nhận lại đầy đủ tài sản nên không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Bản cáo trạng số 33/VKS-KT ngày 13/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân S về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo

quy định tại khoản 1 Điều 141 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng. Đã xem xét đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử dụng khoản 1 Điều 141; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù; về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã giải quyết trong quá trình điều tra, tại phiên toà không ai có ý kiến, yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo Nguyễn Xuân S khai nhận. Sau khi nhặt được số tiền 58.000.000 đồng của anh C bỏ quên tại nhà nghỉ Biểu Thắm. Sau đó anh C đã phát hiện và nhiều lần điện thoại cho bị cáo để xin lại nhưng do bị cáo hám tiền nên vẫn cố tình cất giấu số tiền nhặt được mà không trả lại cho anh C, nhằm giữ lại để sử dụng vào mục đích của bản thân. Lời khai nhận của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và diễn biến quá trình thực hiện hành vi phạm tội, vật chứng đã thu giữ, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Xuân S phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 141 Bộ luật Hình sự, đúng như tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố, quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát và ý kiến tranh luận của bị cáo tại phiên toà.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy:

Bị cáo là người đã có gia đình vợ con, có sức khoẻ và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhưng do không chịu khó tu chí làm ăn, coi thường và bất chấp pháp luật và muốn hưởng thụ công sức, thành quả lao động của người khác nên khi thấy tiền của anh C bỏ quên, bị cáo đã cố tình chiếm giữ tiền trái phép mà không trả lại cho anh C, cho dù anh C đã nhiều lần điện thoại yêu cầu bị cáo trả lại nhưng bị cáo không trả nhằm giữ lại để phục vụ cho mục đích của bản thân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của anh C được pháp luật Nhà nước bảo vệ, ngoài ra còn gây bất bình trong dư

luận, ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội. Vì vậy, cần có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi kịp thời và trả lại cho người bị hại đầy đủ nên thiệt hại xảy ra không lớn; bị cáo có bố được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất, bị cáo đã từng tham gia phục vụ trong quân ngũ; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn vợ mới sinh, các con còn nhỏ, bị cáo là người lao động chính trong gia đình. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g, h, p khoản 1; khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định nên nghĩ cần áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 để cho bị cáo được hưởng án treo và giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú kết hợp với gia đình giám sát, giáo dục, nhằm giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm của bản thân, tạo điều kiện cho bị cáo được tự cải tạo, rèn luyện mình sớm trở thành người Công dân lương thiện có ích cho xã hội và gia đình.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản đầy đủ và không có ý kiến, yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra đã xử lý. Tại phiên tòa không ai có ý kiến, yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[5] Bị cáo Nguyễn Xuân S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Xuân S phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 141; các điểm g, h, p khoản 1; khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân S 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/11/2017. Giao bị cáo Nguyễn Xuân S cho Ủy ban nhân dân phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của luật Thi hành án Hình sự.

2. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử buộc bị cáo Nguyễn Xuân S phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án công khai.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Q;
- Công an huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- THA phạt tù;
- Bị cáo và những người TGT;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Dương Viết Hải**